TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/DS-PT

Ngày 03 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký TAND Thành phố Hà Nội.

-***Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội***: Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên

Ngày 03/6/2020, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp chia thừa kế"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2020/QĐXX-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt, sinh năm 1971. Cư trú tại: Số 262 phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

1.2. Chị Nguyễn Thị Nhật, sinh năm 1959. HKTT: Tổ 11, cụm 3, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Cư trú tại: Số 27 Đầm Hồng, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

***2. Bị đơn*:**

2.1. Bà Phan Thị Hiện, sinh năm 1946;

2.2. Anh Nguyễn Mạnh Dũng, sinh năm 1963;

2.3. Anh Nguyễn huy Hùng, sinh năm 1966;

2.4. Anh Nguyễn Huy Hà, sinh năm 1977;

Cùng cư trú tại: Số 15 ngách 31, ngõ 342, phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1967;

3.2. Anh Nguyễn Mạnh Tuấn, sinh năm 1990;

3.3. Cháu Nguyễn Thu Ngân, sinh năm 2004. *Đại diện theo pháp luật của cháu Ngân là*: Anh Nguyễn Mạnh Dũng, chị Nguyễn Thị Hương.

3.4. Chị Lê Thúy Nga, sinh năm 1975;

3.5. Cháu Nguyễn Minh Ngọc, sinh năm 2002;

3.6. Cháu Nguyễn Minh Hiếu, sinh năm 2006.

Đại diện theo pháp luật của các cháu Ngọc, Hiếu là: Anh Hùng, chị Nga

3.7. Chị Hoàng Thị Hiền, sinh năm 1976;

3.8. Cháu Nguyễn Minh Khang, sinh năm 2009;

3.9. Cháu Nguyễn Kim Khánh, sinh năm 2012;

Đại diện theo pháp luật của các cháu Khang, Khánh là: Anh Hà, chị Hiền.

3.10. Anh Nguyễn Văn Long, sinh năm 1981;

3.11. Chị Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1987;

3.12. Cháu Nguyễn Chí Kiên, sinh năm 2006;

3.13. Cháu Nguyễn Ngọc Thảo Linh, sinh năm 2014;

Đại diện theo pháp luật của các cháu Kiên, Linh là: Anh Long, chị Thảo

Cùng cư trú tại: Số 15 ngách 31, ngõ 342, phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

3.14. Anh Lê Hữu Sơn, sinh năm 1990;

3.15. Chị Lê Thị Thanh Hải, sinh năm 1990;

3.16. Cháu Lê Hải Như Ý, sinh năm 2011. *Đại diện theo pháp luật của cháu Ý là*: Anh Sơn, chị Hải. HKTT: Thôn 3, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Cùng cư trú tại: Số 15 ngách 31, ngõ 342, phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

3.17. Anh Nguyễn Văn Hợp, sinh năm 1997. HKTT: Đồng Luân, Thượng Vực, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Cư trú tại: Số 15 ngách 31, ngõ 342, phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

3.18. Anh Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1992

3.19. Chị Đỗ Thị Nhung, sinh năm 1995

3.20. Cháu Nguyễn Đức Minh, sinh năm 2017. *Đại diện theo pháp luật của cháu Minh là*: Anh Tùng, chị Nhung. HKTT: Thôn Vĩnh Thượng, Sơn Công, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Cư trú tại: Số 15 ngách 31, ngõ 342, phố Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

3.21. Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội. Trụ sở: Số 775 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Phan Bá Thuật - Giám đốc.

Các đương sự là bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên đều không kháng cáo, đều vắng mặt không lý do.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt, chị Nguyễn Thị Nhật- là nguyên đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn trình bày: Bố của các chị là ông Nguyễn Huy Sinh kết hôn với bà Phan Thị Mai năm 1959. Ông Sinh, bà Mai có 03 con chung là chị Nguyễn Thị Nhật, anh Nguyễn Mạnh Dũng, anh Nguyễn Huy Hùng. Năm 1969 bà Mai chết (*ông Sinh và bà Mai không có tài sản chung*). Năm 1970, ông Sinh kết hôn với bà Phan Thị Hiện (*bà Hiện là em ruột bà Mai*). Ông Sinh với bà Hiện có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt, anh Nguyễn Huy Hà. Năm 1978, cụ Nguyễn Thị Chinh (*là mẹ của ông Sinh*) chia cho ông Sinh và bà Hiện 1160m^2 đất ở tại địa chỉ: Tổ 14 cụm 3, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

nay là: Số nhà 15 ngõ 342 ngách 31, đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Cùng năm 1978 ông Sinh và bà Hiện xây ngôi nhà ngói, trần hiên ba gian trên đất. Năm 1989 ông Sinh và bà Hiện xây tiếp một ngôi nhà 2 tầng bên cạnh ngôi nhà xây năm 1978. Năm 2001 anh Nguyễn Mạnh Dũng phá ngôi nhà ngói ba gian của ông Sinh và bà Hiện xây năm 1978, xây mới ngôi nhà 3 tầng mặt sàn 80m^2 hiện nay anh Dũng đang ở. Năm 2002 ông Sinh và bà Hiện xây tiếp một ngôi nhà cấp 4 bên cạnh ngôi nhà 2 tầng xây năm 1989. Năm 2009, anh Nguyễn Huy Hà phá ngôi nhà cấp 4 của ông Sinh và bà Hiện xây năm 2002, xây mới ngôi nhà 3 tầng mặt sàn 80m^2 hiện nay anh Hà đang ở. Năm 2015 anh Nguyễn Huy Hùng phá tiếp ngôi nhà 2 tầng của ông Sinh và bà Hiện xây năm 1989, xây mới ngôi nhà 3 tầng diện tích 90m^2 mặt sàn hiện nay anh Hùng đang ở. Các ngôi nhà của ông Sinh và bà Hiện đã xây dựng hiện không còn. Năm 2016 anh Dũng bán một phần đất mà anh Dũng đang quản lý cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Long, chị Nguyễn Thị Phương Thảo.

Năm 2005, ông Sinh chết không để lại di chúc. Nay chị Nguyệt, chị Nhật đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Huy Sinh là 577 m^2 đất tại thửa đất số 169 tờ bản đồ số 15-c-II-a tại địa chỉ tổ 14 cụm 3 phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nay là số 15 ngõ 342 ngách 31 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (*Sau đây viết tắt là*: thửa đất số 169) theo pháp luật, đề nghị được hưởng thừa kế di sản bằng hiện vật.

2. Tại các bản khai, các bị đơn trình bày:

2.1. Bà Phan Thị Hiện trình bày:

Quan hệ huyết thống đúng như nguyên đơn trình bày. Thửa đất số 169 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (*Sau đây viết tắt là*: GCNQSDĐ) do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 26/7/2001 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Huy Sinh và bà là Phan Thị Hiện. Nguồn gốc là do mẹ chồng bà (Cụ Chinh) để lại cho vợ chồng bà.

Chồng bà, ông Sinh chết năm 2005, trước khi chết ông Sinh có để lại di chúc (ngày 08/8/2005) với nội dung: Chia thửa đất số 169 của vợ chồng bà cho 03 con trai gồm: Anh Dũng được 01 căn nhà và đất có diện tích 386m^2; anh Hùng được 01 căn nhà và đất có diện tích 386m^2; anh Hà được 01 căn nhà và đất có diện tích 386m^2. Riêng 02 con gái là chị Nguyệt và chị Nhật đã đi lấy chồng nên không chia đất, mà chỉ cho mỗi người 100m^2 trên giấy tờ, khi nào ba người con trai bán đất hoặc thửa đất bị Nhà nước giải tỏa theo quy hoạch thì các con trai phải chia trả cho chị Nguyệt và chị Nhật mỗi người 66,5m^2 bằng tiền theo giá trị hiện hành, còn nếu để ở không bán thì các người con gái không được đòi chia. Hiện anh Dũng vì điều kiện khó khăn nên đã bán một phần diện tích được chia nên anh Dũng thực hiện theo đúng di chúc chia cho chị Nhật và chị Nguyệt mỗi người 35m^2, nhưng chị Nhật và chị Nguyệt không đồng ý. Anh Hùng và anh Hà chưa bán cho ai nên không phải chia cho chị Nhật và chị Nguyệt, khi nào anh Hùng và anh Hà vi phạm di chúc mới phải chia cho chị Nhật và chị Nguyệt. Nay chị Nguyệt và chị Nhật yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Sinh, bà không đồng ý.

2.2. Anh Nguyễn Mạnh Dũng trình bày: Về quan hệ huyết thống, về nguồn gốc diễn biến quản lý, sử dụng thửa đất số 169 đúng như nguyên đơn và bà Hiện trình bày. Anh khẳng định trước khi chết, bố anh là ông Sinh có để lại di chúc có

nội dung đúng như bà Hiện trình bày; anh được bố anh phân chia 01 căn nhà và 386m^2 đất, do điều kiện kinh tế nên anh đã bán 50m^2 đất, do vậy anh đã chia cho chị Nhật và chị Nguyệt 70m^2 theo đúng ý chí của ông Sinh. Nay chị Nguyệt và chị Nhật yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Sinh theo pháp luật, anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

2.3. Anh Nguyễn Huy Hùng và anh Nguyễn Huy Hà trình bày: Các anh đều thống nhất như ý kiến trình bày của bà Hiện, anh Dũng; các anh đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì bố anh (ông Sinh) để lại di chúc có nội dung đúng như bà Hiện, anh Dũng đã trình bày. Các anh được hưởng phần của mình theo di chúc của ông Sinh, các anh vẫn quản lý sử dụng không bán cho bất kỳ ai. Do vậy, nếu các anh bán đất thì mới phải chia cho chị Nhật và chị Nguyệt.

Ngoài các lời khai trên. Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là bà Hiện; các anh: Dũng, Hùng và Hà đã được Tòa án giao và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không chấp hành. Thậm chí không chấp hành và không giao nộp di chúc ngày 08/8/2005 của ông Sinh theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu nhiều lần; không chấp hành đây đủ buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo Quyết định của Tòa án; không chấp hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Chị Hương, anh Tuấn, cháu Ngân (*do anh Dũng, chị Hương là người đại diện theo pháp luật*), chị Nga, cháu Ngọc và cháu Hiếu (do anh Hùng, chị Nga *là người đại diện theo pháp luật*); chị Hiền, cháu Khang và cháu Khánh (*do anh Hà, chị Hiền là người đại diện theo pháp luật*); anh Long, chị Phương Thảo, cháu Kiên và cháu Thảo Linh (*do anh Long, chị Phương Thảo là người đại diện theo pháp luật*); anh Sơn, chị Hải, cháu Như Ý (*do anh Sơn, chị Hải là người đại diện theo pháp luật*); anh Tùng, chị Nhung, cháu Minh (*do anh Tùng, chị Nhung là người đại diện theo pháp luật*); Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không đến Tòa án.

3.2. Anh Nguyễn Văn Hợp đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa. Ngày 07/5/2019, anh Nguyễn Văn Hợp có đơn đề nghị gửi Tòa án với nội dung: Anh có thuê cửa hàng của anh Hà và trả tiền thuê theo tháng, anh không có công sức gì vào việc xây dựng, sửa chữa tôn tạo cửa hàng.

* **Tại Biên bản xem xét, thẩm định và định giá tài sản ngày 30/01/2019**:

- Về giá trị quyền sử dụng đất là: 25.040.000đồng/m^2.

- Về giá trị tài sản trên đất: Theo trích đo bản đồ địa chính của Công ty CP trắc địa bản đồ và tài nguyên môi trường Trường Phú ngày 12/11/2018. Nhà thứ nhất ký hiệu g (9) diện tích xây dựng là 50,5m^2 giá trị còn lại: 114.624.900 đồng.

Nhà thứ hai ký hiệu g(7) diện tích xây dựng là 38,7m^2 giá trị còn lại: 68.320.980 đồng. Nhà thứ ba ký hiệu g(10) diện tích xây dựng là 44,5m^2 giá trị còn lại: 78.560.300 đồng.

- Theo chị Nguyệt và chị Nhật trình bày: Theo trích đo bản đồ địa chính của Công ty CP trắc địa bản đồ và tài nguyên môi trường Trường Phú ngày 12/11/2018 thì: Nhà ký hiệu g3(3) diện tích 82,1m^2 và nhà ký hiệu g(9) diện tích 50,5m^2 do anh Nguyễn Mạnh Dũng xây dựng và hiện anh Dũng đang quản lý, sử dụng. Nhà ký hiệu g3(2) diện tích 87,5m^2 và nhà ký hiệu g(7) diện tích 38,7m^2 do anh Nguyễn Huy Hùng xây dựng và hiện anh Hùng đang quản lý, sử dụng. Nhà ký hiệu g5(1) diện tích 72,4m^2 và nhà ký hiệu g(10) diện tích 44,5m^2 do anh Nguyễn Huy Hà xây dựng và hiện anh Hà đang quản lý, sử dụng.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Quyết định**:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt và chị Nguyễn Thị Nhật.

Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Huy Sinh và bà Phan Thị Hiện là quyền sử dụng 1142,8m^2 đất tại thửa đất số 169, tờ bản đồ số 15-c-II-a, địa chỉ tại tổ 14 cụm 3 phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nay là số 15 ngõ 342 ngách 31 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chia tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Huy Sinh và bà Phan Thị Hiện: Tài sản của ông Nguyễn Huy Sinh là 571,4m^2 đất có giá trị 14.307.856.000 đồng; tài sản của bà Phan Thị Hiện là 571,4 m^2 đất có giá trị 14.307.856.000 đồng.

Ông Nguyễn Huy Sinh chết ngày 26/8/2005, thời điểm mở thừa kế của ông Sinh là ngày 26/8/2005. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Huy Sinh gồm có 06 người là: bà Phan Thị Hiện, chị Nguyễn Thị Nhật, anh Nguyễn Mạnh Dũng, anh Nguyễn Huy Hùng, chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt và anh Nguyễn Huy Hà.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của ông Nguyễn Huy Sinh.

Di sản thừa kế của ông Nguyễn Huy Sinh có giá trị là 14.307.856.000đồng. Trích công sức giữ gìn trông nom di sản cho bà Phan Thị Hiện là 100.000.000 đồng. Di sản của ông Nguyễn Huy Sinh còn lại là 14.207.856.000 đồng.

Di sản của ông Nguyễn Huy Sinh được chia làm 06 phần, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị là 14.207.856.000 đồng: 6 = 2.367.976.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Nhật được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

Anh Nguyễn Mạnh Dũng được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

Anh Nguyễn Huy Hùng được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

Anh Nguyễn Huy Hà được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

Bà Phan Thị Hiện được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng và công sức giữ gìn trông nom di sản là 100.000.000 đồng. Giá trị tài sản của bà Hiện sau khi chia tài sản chung vợ chồng là 14.307.856.000 đồng. Tổng giá trị là 16.775.832.000 đồng.

Về phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật, chia cụ thể như sau:

- Chia cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt phần đất có diện tích đất là 38,7m^2 được giới hạn bởi các điểm (14,15,54,55,56,14) có giá trị là 969.048.000đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g(7) được giới hạn bởi các điểm (14,15,54,55,56,14) diện tích 38,7m^2 do anh Nguyễn Huy Hùng xây dựng.

Giá trị 01 nhà ký hiệu g(7) được giới hạn bởi các điểm (14,15,54,55,56,14) diện tích 38,7m^2 có giá trị 68.320.980 đồng trên đất chia cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt (là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Huy Hùng). Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt được sở hữu 01 nhà ký hiệu g(7) được giới hạn bởi các điểm (14,15,54,55,56,14) có diện tích 38,7m^2 trên phần đất được chia và có nghĩa vụ thanh toán 68.320.980 đồng cho anh Nguyễn Huy Hùng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Nhật phần đất có diện tích đất là 50,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (11,12,67,9,10,11) có giá trị là 1.264.520.000 đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g(9) được giới hạn bởi các điểm (11,12,67,9,10,11) diện tích 50,5m^2 do anh Nguyễn Mạnh Dũng xây dựng.

Giá trị 01 nhà ký hiệu g(9) được giới hạn bởi các điểm (11,12,67,9,10,11) diện tích 50,5m^2 có giá trị 114.624.900 đồng trên đất chia cho chị Nguyễn Thị Nhật (là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Mạnh Dũng). Chị Nguyễn Thị Nhật được sở hữu 01 nhà ký hiệu g(9) được giới hạn bởi các điểm (11,12,67,9,10,11) có diện tích 50,5m^2 trên phần đất được chia và có nghĩa vụ thanh toán 114.624.900 đồng cho anh Nguyễn Mạnh Dũng. (Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Chia cho anh Nguyễn Mạnh Dũng phần đất có diện tích đất là 88m^2 được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,48,49,46,3) có giá trị là 2.203.520.000đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g3(3) được giới hạn bởi các điểm (46,47,48,49,46) diện tích 82,1m^2 hiện anh Nguyễn Mạnh Dũng đang quản lý, sử dụng và phần đất có diện tích đất là 50,4m^2 được giới hạn bởi các điểm (65,66,67,12,13,65) có giá trị là 1.262.016.000 đồng, tạm giao 01 nhà ký hiệu g5(8) được giới hạn bởi các điểm (65,66,67,12,13,65) diện tích 50,4m^2 gắn liền trên đất cho anh Nguyễn Mạnh Dũng. 1/2 diện tích đất đường đi chung 31,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (2,3,46,49,26,25,24,2) có giá trị là 395.632.000 đồng và 1/4 diện tích đất đường đi chung 2,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,2,24,23,1) có giá trị là 16.276.000 đồng. Tổng cộng là 3.877.444.000 đồng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Chia cho anh Nguyễn Huy Hùng phần đất có diện tích đất là 87,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (24,25,26,27,28,24) có giá trị là 2.191.000.000đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g3(2) được giới hạn bởi các điểm (24,25,26,27,28,24) diện tích 87,5m^2 hiện anh Nguyễn Huy Hùng đang quản lý, sử dụng. 1/2 diện tích đất đường đi chung 31,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (2,3,46,49,26,25,24,2) có giá trị là 395.632.000 đồng và 1/4 diện tích đất đường đi chung 2,6m^2 được giới hạn bởi các

điểm (1,2,24,23,1) có giá trị là 16.276.000 đồng. Tổng cộng là 2.602.908.000 đồng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Chia cho anh Nguyễn Huy Hà phần đất có diện tích đất là 110,8m^2 được giới hạn bởi các điểm (18,19,20,21,22,29,30,31,50,51,52,18) có giá trị là 2.774.432.000 đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g5(1) được giới hạn bởi các điểm (30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,30) diện tích 72,4m^2 hiện anh Nguyễn Huy Hà đang quản lý, sử dụng. 1/2 diện tích đất đường đi chung 20,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (23,24,28,50,31,30,29, 22, 23) có giá trị là 257.912.000 đồng và 1/4 diện tích đất đường đi chung 2,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,2,24,23,1) có giá trị là 16.276.000 đồng. Tổng cộng là 3.048.620.000 đồng.

(Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Chia cho bà Phan Thị Hiện phần đất có diện tích đất là 662,10m2 được giới hạn bởi các điểm (50,28,27,26,49,48,6,7,8,9,67,66,65,13,14,56, 55,54,15,16,17, 18,52,51,50) có giá trị là 16.578.984.000 đồng trên đất có 01 nhà ký hiệu g(10) được giới hạn bởi các điểm (17,53,54,15,16,17) diện tích 44,5m^2 do anh Nguyễn Huy Hà xây dựng và tạm giao các tài sản còn lại gắn liền trên đất cho bà Phan Thị Hiện. 1/2 diện tích đất đường đi chung 20,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (23,24,28, 50,31,30,29,22,23) có giá trị là 257.912.000 đồng và 1/4 diện tích đất đường đi chung 2,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,2,24,23,1) có giá trị là 16.276.000 đồng. Tổng cộng là 16.853.172.000 đồng.

Giá trị 01 nhà ký hiệu g(10) được giới hạn bởi các điểm (17,53,54,15,16,17) có diện tích 44,5m^2 có giá trị 78.560.300 đồng trên đất chia cho bà Phan Thị Hiện (là tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Huy Hà). Bà Phan Thị Hiện được sở hữu 01 nhà ký hiệu g(10) được giới hạn bởi các điểm (17,53,54,15,16,17) có diện tích 44,5m^2 trên phần đất được chia. Bà Phan Thị Hiện phải thanh toán cho anh Nguyễn Huy Hà số tiền 78.560.300 đồng. (Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo bản án này).

- Anh Nguyễn Mạnh Dũng có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch giá trị cho chị Nguyễn Thị Nhật là 1.103.456.000 đồng, đối trừ với số tiền 114.624.900 đồng mà chị Nguyễn Thị Nhật phải thanh toán cho anh Nguyễn Mạnh Dũng; anh Nguyễn Mạnh Dũng còn phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Nhật số tiền 988.831.100 đồng.

Anh Nguyễn Mạnh Dũng phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 406.012.000 đồng.

- Anh Nguyễn Huy Hùng có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch giá trị cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt là 234.932.000 đồng, đối trừ với số tiền 68.320.980 đồng mà chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt phải thanh toán cho anh Nguyễn Huy Hùng; anh Nguyễn Huy Hùng còn phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 166.611.020 đồng.

- Anh Nguyễn Huy Hà phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 680.644.000 đồng.

- Bà Phan Thị Hiện phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 77.340.000 đồng. .....”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền

thỏa thuận thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

***Không đồng ý với bản án này**.

Nguyên đơn chị Nguyệt, chị Nhật kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm. Chia kỷ phần cho các chị Nguyệt, chị Nhật bằng hiện vật tại phần diện tích đất phù hợp để không phải đối trừ với bị đơn về giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm**:

Nguyên đơn là chị Nguyệt, chị Nhật giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân chia di sản của ông Sinh theo pháp luật và chia kỷ phần mà các chị được hưởng bằng hiện vật phù hợp, không phải đối trừ với bị đơn về giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng.

Bị đơn; người có quền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa, không bổ sung ý kiến hoặc văn bản gửi đến phiên tòa phúc thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

* **Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm**:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt không lý do. Đề nghị xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xác định về di sản, diện, hàng thừa kế của ông Sinh là đúng quy định pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo; sửa 01 phần bản án sơ thẩm theo hướng tăng phần diện tích đất chia cho nguyên đơn được hưởng; đối trừ và thanh toán chênh lệch kỷ phần được hưởng giữa các đương sự theo pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định. Xác định người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo hợp lệ.

Bị đơn; người có quền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử xét tiến hành xử vắng mặt họ

[2] Về Nội dung:

2.1. Xét kháng cáo của nguyên đơn

Bản án sơ thẩm Quyết định: Thời điểm mở thừa kế của ông Sinh là ngày 26/8/2005 (*ngày ông chết*), khi chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế của ông Sinh để lại là 571,4m^2 đất x 25.040.000đồng/1m^2 (*theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/01/2019*) = 14.307.856.000 đồng; trích 100.000.000 đồng tiền công sức duy trì, bảo quản khối di sản trả bà Hiện là. Di sản còn lại của ông Sinh là 14.207.856.000 đồng và được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Sinh gồm 06 người (kỷ phần) : Bà Hiện, chị Nhật, anh Dũng, anh Hùng, chị

Nguyệt và anh Hà, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng giá trị bằng tiền là 2.367.976.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự không kháng cáo và không có kháng nghị về các nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét lại các nội dung này.

Như nhận định trên, khối di sản của ông Sinh để lại là 571,4m^2 đất được chia cho 06 kỷ phần bằng hiện vật thì mỗi kỷ phần phải được hưởng (*sau khi trích công sức trả bà Hiện*) tương đương 95,56 m^2 đất. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chia:

Chị Nguyệt được quản lý, sử dụng 38,7m^2 đất trên đất có 01 nhà diện tích 38,7m^2 do anh Hùng xây dựng. So với kỷ phần được hưởng và đối trừ các nghĩa vụ phải thanh toán thì chị Nguyệt được: Anh Dũng thanh toán 406.012.000 đồng; anh Hùng thanh toán 166.611.020đồng; anh Hà thanh toán 680.644.000đồng; bà Hiện thanh toán 77.340.000 đồng. Tổng chị Nguyệt được (*phải nhận*) thanh toán bằng tiền là 1.330.607.020 đồng mà không được chia bằng hiện vật theo kỷ phần được hưởng. Thực tế có đủ điều kiện phân chia bằng hiện vật.

Chia cho chị Nhật được quản lý, sử dụng đất 50,5m^2 trên đất có 01 nhà diện tích 50,5m^2 do anh Dũng xây dựng. So với kỷ phần được hưởng và đối trừ các nghĩa vụ phải thanh toán thì chị Nhật được anh Dũng thanh toán 988.831.100 đồng. Không được chia bằng hiện vật theo kỷ phần được hưởng. Thực tế có đủ điều kiện phân chia bằng hiện vật.

Căn cứ trích đo bản đồ địa chính năm 1996 của thửa đất số 169, tờ bản đồ số 15-c-II-a, địa chỉ: số 15 ngách 342/31 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội do Công ty CP trắc địa bản đồ và tài nguyên môi trường Trường Phú lập ngày 12/11/2018 (*BL 444*) và quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; điều chỉnh lại cách phân chia di sản bằng hiện vật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và quy định pháp luật. Cụ thể:

Phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

- Chia ngõ đi chung: Tổng diện tích 54,8m^2 giới hạn bởi các điểm 1,2,3,46,49,26,25,24,28,50,31,30,29,22,23,1. Trong đó:

+ Bà Hiện: các anh: Hà, Hùng, Dũng được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 2,6m^2 giới hạn bởi các điểm 1,2,24,23,1.

+ Bà Hiện, anh Hà được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 20,6m^2 giới hạn bởi các điểm 23,22,29,30,31,50,28,24,23.

+ Các anh Hùng, Dũng được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 31,6m^2 giới hạn bởi các điểm 2,3,46,49,26,25,24,2.

- Sau khi chia cắt, chia ngõ đi chung; chia phần cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Phan Thị Hiện phần diện tích 569,57m^2 đất giới hạn bởi các điểm (18,52,51,50,28,27,26,49,48,6,7,8,9',66',66,65,13,14,56,56',55',55,54,15,16,17,18) trên đất có 01 ngôi nhà g(10) diện tích 44,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (17,53,54,15,16,17) giá trị 78.560.300 đồng do anh Hà xây dựng; được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 20,6m^2 và ngõ đi diện tích 2,6m^2. Như vậy bà Hiện được nhận [569,57m^2 + (2,6m^2/4) + (20,6m^2/2)] x 25.040.000 đồng = 14.536.220.800 đồng và ngôi nhà của anh Hà xây dựng (*trị giá 78.560.300 đồng*). So với [571,4m^2 đất (*được phân chia tài sản chung vợ chồng – trị giá*

14.307.856.000 đồng) + 100.000.000 đồng (*được trích công sức*) + 2.367.976.000 đồng (*kỷ phần được hưởng thừa kế của ông Sinh*)] thì bà Hiện còn thiếu (nhận được ít hơn) 2.161.050.900 đồng. Khoản còn thiếu này bà được người nhận hiện vật nhiều hơn thanh toán lại.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt phần diện tích 91,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm (55',56',56,14,15,54,55,55') trên đất có 01 ngôi nhà g(7) diện tích 38,7m^2 được giới hạn bởi các điểm (14,15,54,55,56,14) do anh Hùng xây dựng. Như vậy chị Nguyệt được chia 91,8m^2 (*trị giá 2.298.672.000*) đồng + 01 nhà do anh Hùng xây trên đất giao cho chị (*giá trị 68.320.980 đồng*). So với kỷ phần được hưởng, chị Nguyệt còn thiếu 983.020 đồng. Khoản còn thiếu này chị được người nhận hiện vật nhiều hơn thanh toán lại.

+ Chia cho chị Nguyễn Thị Nhật phần diện tích 89,93m^2 đất giới hạn bởi các điểm (11,12,67,66,66',9',9,10,11) trên đất có 01 ngôi nhà g(9) diện tích 50,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (11,12,67,9,10,11) trị giá 114.624.900 đồng do anh Dũng xây dựng. Như vậy chị Nhật được chia **89,93m^2 đất** (*trị giá* 2.251.847.200) đồng + 01 nhà do anh Dũng đã xây trên đất giao cho chị (*trị giá 114.624.900 đồng*). So với kỷ phần thừa kế được hưởng, chị Nhật còn thiếu 1.503.900 đồng. Khoản còn thiếu này chị được người nhận hiện vật nhiều hơn thanh toán lại.

+ Chia cho anh Nguyễn Huy Hà phần diện tích 110,8m^2 đất giới hạn bởi các điểm (18,19,20,21,22,29,30,31,50,51,52,18) trên đất có 01 nhà ký hiệu g5(1) do anh Hà xây dựng diện tích 72,4m^2 được giới hạn bởi các điểm (30,31,32,33,34,35,36,37,38,39, 40,41,42,43,44,45,30); được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 20,6m^2 và ngõ đi diện tích 2,6m^2. Như vậy ngoài ngôi nhà của anh đã xây dựng trên đất được chia và trên đất phải giao lại cho kỷ phần khác thì anh đã được chia hiện vật là đất trị giá: [110,8m^2 + (2,6m^2/4) + (20,6m^2/2)] x 25.040.000đồng = 3.048.620.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng, anh Hà được giao nhiều hơn 680.644.000 đồng. Khoản nhận nhiều hơn này được đối trừ với giá trị nhà mà anh đã xây dựng trên đất nay giao cho bà Hiện.

+ Chia cho anh Nguyễn Huy Hùng phần diện tích 87,5m^2 đất giới hạn bởi các điểm (24,25,26,27,28,24) trên đất có 01 nhà ký hiệu g3(2) do anh Hùng xây dựng diện tích 87,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (24,25,26,27,28,24); được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 31,6m^2 và ngõ đi diện tích 2,6m^2. Như vậy ngoài ngôi nhà của anh đã xây dựng trên đất được chia và trên đất phải giao lại cho kỷ phần khác thì anh đã được chia hiện vật là đất trị giá: [87,5m^2 + (2,6m^2/4) + (31,6m^2/2)] x 25.040.000 đồng = 2.602.908.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng, anh Hùng được giao nhiều hơn 234.932.000 đồng. Khoản nhận nhiều hơn này được đối trừ với giá trị nhà mà anh đã xây dựng trên đất nay giao cho chị Nguyệt.

+ Chia cho anh Nguyễn Mạnh Dũng phần diện tích 88m^2 đất giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,48,49,46,3) và 50,4m^2 giới hạn bởi các điểm (65,66,67,12,13,65). Trên đất có 01 nhà ký hiệu g3(3) do anh Dũng xây dựng diện tích 82,1m^2 được giới hạn bởi các điểm (46,47, 48,49,46); được sử dụng chung phần ngõ đi diện tích 31,6m^2 và ngõ đi diện tích 2,6m^2. Như vậy ngoài ngôi nhà của anh đã xây dựng trên đất được chia và trên đất phải giao lại cho kỷ phần khác thì anh đã được chia hiện vật là đất trị giá : [138,4m^2 + (2,6m^2/4) + (31,6m^2/2)] x 25.040.000 đồng = 3.877.444.000 đồng. So với kỷ phần được hưởng, anh Dũng được giao nhiều hơn

1.509.468.000đồng. Khoản nhận nhiều hơn này được đối trừ với giá trị nhà mà anh đã xây dựng trên đất nay giao cho chị Nhật.

- Sau khi đối trừ giữa hiện vật được giao và kỷ phần thực được hưởng:

+ Anh Hùng phải thanh toán cho chị Nguyệt 983.020 đồng (Sau khi đã đối trừ ngôi nhà anh xây dựng trên đất giao cho chị Nguyệt) và phải thanh toán trả bà Hiện 118.803.200 đồng.

+ Anh Dũng phải thanh toán cho chị Nhật 1.503.900 đồng (*Sau khi đã đối trừ ngôi nhà anh xây dựng trên đất giao cho chị Nhật*) và phải thanh toán trả bà Hiện 1.440.164.000 đồng.

+ Anh Hà còn phải thanh toán cho bà Hiện 602.083.700 đồng (*Sau khi đã đối trừ ngôi nhà anh xây dựng trên đất giao cho bà Hiện*) .

2.3. Quan điểm của Hội đồng xét xử:

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Yêu cầu kháng cáo và quan điểm trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

[3] Án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định về án phí sơ thẩm đối với chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt, anh Nguyễn Mạnh Dũng, anh Nguyễn Huy Hùng, anh Nguyễn Huy Hà, mỗi người phải chịu 79.359.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Hiện, chị Nguyễn Thị Nhật là người cao tuổi được miễn án phí dân sự (*chị Nhật được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp*).

3.2. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 213, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật người cao tuổi;

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt, chị Nguyễn Thị Nhật về việc chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Huy Sinh theo pháp luật .

1.1. Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Huy Sinh và bà Phan Thị Hiện là quyền sử dụng 1142,8m^2 đất thửa đất số 169, tờ bản đồ số 15-c-II-a, địa chỉ tại tổ 14 cụm 3 phường Hạ Đình, Q Thanh Xuân, TP. Hà Nội (*Nay là số 15 ngõ 342 ngách 31 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, Q Thanh Xuân, TPHà Nội*).

Chia tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Huy Sinh và bà Phan Thị Hiện: Tài sản của ông Nguyễn Huy Sinh là 571,4m^2 đất có giá trị 14.307.856.000 đồng; tài sản của bà Phan Thị Hiện là 571,4m^2 đất có giá trị 14.307.856.000 đồng.

1.2. Xác định: Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Huy Sinh ngày 26/8/2005 (*ngày ông chết*) không để lại di chúc. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Huy Sinh gồm có 06 người: bà Phan Thị Hiện, chị Nguyễn Thị Nhật, anh Nguyễn Mạnh Dũng, anh Nguyễn Huy Hùng, chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt và anh Nguyễn Huy Hà.

1.3. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Huy Sinh có trị giá là 14.307.856.000 đồng; trích 100.000.000 đồng trả bà Hiện (*tiền công sức duy trì, bảo quản khối di sản*). Di sản còn lại của ông Sinh là 14.207.856.000 đồng và được chia thừa kế theo pháp luật cho 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng trị giá bằng tiền:

1.3.1. Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

1.3.2. Chị Nguyễn Thị Nhật được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

1.3.3. Anh Nguyễn Mạnh Dũng được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

1.3.4. Anh Nguyễn Huy Hùng được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

1.3.5. Anh Nguyễn Huy Hà được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng.

1.5.6. Bà Phan Thị Hiện được hưởng di sản thừa kế của ông Sinh để lại bằng một kỷ phần thừa kế có giá trị là 2.367.976.000 đồng và công sức giữ gìn trông nom di sản là 100.000.000 đồng; Phần tài sản riêng của bà Hiện trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Sinh là 14.307.856.000 đồng. Tổng bà Phan Thị Hiện được hưởng trị giá là 16.775.832.000 đồng.

1. 4. Chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

- Chia cho anh Nguyễn Huy Hà được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 110,8m^2 *(giới hạn bởi các điểm: 18,19,20,21,22,29, 30,31,50,51,52,18*); được tiếp tục sở hữu 01 nhà diện tích 72,4m^2 ký hiệu g 5 (1) gắn liền trên đất do anh Hà xây dựng (*giới hạn bởi các điểm: 30,31,32,33,34,35,36,37,38,39, 40,41,42,43,44,45,30*); được sử dụng chung (1/2 diện tích đất) ngõ đi chung 20,6m^2(*giới hạn bởi các điểm: 23,22,29,30,31,50,28, 24,23*) và (1/4 diện tích đất) ngõ đi chung 2,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm 1,2,24, 23,1*). Có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho anh Nguyễn Huy Hùng được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 87,5m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 24,25,26,27,28,24*); được tiếp tục sở hữu 01 nhà diện tích 87,5m^2 ký hiệu g3(2) gắn liền trên đất do anh Hùng xây dựng (*giới hạn bởi các điểm:24,25,26,27,28,24*); được sử dụng chung (1/2 diện tích đất) ngõ đi chung 31,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 2,3,46,49,26,25,24,2*) và (1/4 diện tích đất) ngõ đi chung 2,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 1,2,24,23,1*). Có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho anh Nguyễn Mạnh Dũng được quản lý sử dụng phần diện tích 88m^2 đất (*giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,6,48,49,46,3*) và phần đất diện tích 50,4m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 65,66,67, 12,13,65*); được tiếp tục sở hữu 01 nhà diện tích

82,1m^2 ký hiệu g3(3) gắn liền trên đất do anh Dũng xây dựng (*giới hạn bởi các điểm: 46,47, 48,49,46*); được sử dụng chung (1/2 diện tích) ngõ đi chung 31,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 2,3,46,49,26,25,24,2*) và (1/4 diện tích) ngõ đi chung 2,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 1,2,24,23,1*). Có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho bà Phan Thị Hiện được quản lý sử dụng phần đất có diện tích 569,57m^2 đất (*giới hạn bởi các điểm: 18,52,51,50,28,27,26,49,48,6,7,8,9',66',66,65,13,14, 56,56',55',55,54,15,16,17,18*); được sở hữu ngôi nhà diện tích 44,5m^2 ký hiệu g(10) gắn liền trên đất do anh Hà xây dựng (*giới hạn bởi các điểm: 17,53,54, 15,16,17*); được sử dụng chung (1/2 diện tích đất) ngõ đi chung 20,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 23,22,29, 30,31,50,28,24,23*) và (1/4 diện tích đất) ngõ đi chung 2,6m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 1,2,24,23,1*). Có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt được quản lý sử dụng phần đất có diện tích đất 91,8m^2 (*giới hạn bởi các điểm: 55',56',56,14,15,54,55,55'*); được sở hữu 01 nhà diện tích 38,7m^2 ký hiệu g(7) gắn liền trên đất (*giới hạn bởi các điểm: 14,15, 54,55,56,14*) do anh Nguyễn Huy Hùng xây dựng. Có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Nhật được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 89,93m^2 (giới hạn bởi các điểm: 11,12,67,66,66',9, 9,10,11) được sở hữu 01 nhà diện tích 50,5m^2 có ký hiệu g(9) gắn liền trên đất (*giới hạn bởi các điểm: 11,12,67, 9,10,11*) do anh Nguyễn Mạnh Dũng xây dựng. Có sơ đồ kèm theo bản án.

Các đương sự được chia di sản bằng hiện vật tại khoản 1.4 nêu trên có quyền, nghĩa vụ chủ động liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

1.5. Về nghĩa vụ thanh toán:

1.5.1. Buộc anh Nguyễn Huy Hùng phải thanh toán trả:

+ Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt 983.020 (*Chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm hai mươi*) đồng;

+ Bà Phan Thị Hiện 118.803.200 (*Một trăm mười tám triệu, tám trăm linh ba nghìn, hai trăm*) đồng

1.5.2. Buộc anh Nguyễn Mạnh Dũng phải thanh toán trả:

+ Chị Nguyễn Thị Nhật 1.503.900 (*Một triệu, năm trăm linh ba nghìn, chín trăm*) đồng;

+ Bà Phan Thị Hiện 1.440.164.000 đồng(*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn*) đồng.

1.5.3.Buộc anh Nguyễn Huy Hà phải thanh toán trả bà bà Phan Thị Hiện 602.083.700 (*Sáu trăm linh hai triệu, không trăm tám mươi ba nghìn,bảy trăm*) đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thanh toán xong khoản tiền phải trả thì còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 .

2. Về án phí:

2.1. Miễn án phí dân sự cho bà Phan Thị Hiện và chị Nguyễn Thị Nhật. Các đương sự không phải chịu nán phí dân sự phúc thẩm.

2.2. Chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt phải chịu 79.359.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với 30.590.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0006772 ngày 08/10/2015 và số 0006379 ngày 30/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Còn phải nộp 48.769.520 (*Bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Các anh: Nguyễn Mạnh Dũng, Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Huy Hà; mỗi người phải chịu 79.359.520 (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm lăm mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Nhật 30.590.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0006771 ngày 08/10/2015 và số 0006378 ngày 30/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Tp. Hà Nội;*
- *Cục THADS. TP Hà Nội;*
- *TAND quận Thanh Xuân;*
- *Chi cục THADS quận Thanh Xuân;*
- *Lưu HSVA/VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng